

Ngày 21- 11 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 198/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/HSST-QĐ ngày 10/11/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Thị T, sinh năm 1983; giới tính: nữ; tên gọi khác: không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu D, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: Khu D, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; con ông: Trương Văn Đ (Đã chết) và bà: Lục Thị N; Cchồng: Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1983 (đã chết) và có 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 11/7/1998, bị Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang khởi tố bị can về tội “Giết người”. Ngày 16/11/1998, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can từ tội “Giết người” sang tội “Vô ý làm chết người”. Ngày 23/11/1998, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can, miễn trách nhiệm hình sự đối với T về tội danh trên.

+ Tại bản án số 19/2020/HS-ST ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tài sản trộm cắp có giá trị 2.200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2020, chấp hành xong án phí ngày 14/02/2020.

- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. (Có mặt)

2. Họ và tên: Trương Thị T1, sinh năm 1985; giới tính: nữ; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện tại: tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; con ông: Trương Văn Đ (đã chết) và bà Lục Thị N; có chồng Nguyễn Văn T2 và có 04 con;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 31/8/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh B khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. (Có mặt)

3. Họ và tên: Lò Văn M, sinh năm 1988; giới tính: nam; tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản Pá Vạt 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện tại: tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Lò Văn T3 và bà: Lò Thị N1; có vợ Lò Thị L, sinh năm 1988 và có 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. (Có mặt)

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2023, Trương Thị T có thuê nhà của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để mở quán Cà phê thư giãn mát xa, quán được thiết kế có 02 phòng để cho khách vào tắm lưng, thư giãn. Từ đầu tháng 8/2023, do không có khách nên T đã nảy sinh ý định lợi dụng khách đến mát xa, tắm lưng không để ý sẽ lấy trộm tài sản của khách. Để thực hiện ý định, T đã bàn bạc với Trương Thị T1 (là em ruột của T) và Lò Văn M (là bạn trai của T) về việc khi nào có khách thì T1 sẽ tắm lưng cho khách, Thực lợi dụng khách không để ý sẽ lấy trộm tài sản của khách, nếu xảy ra cãi nhau với khách thì M sẽ ra mặt để hòa giải và đuổi khách về. Nếu lấy được tài sản thì T sẽ chia cho T1 khoảng 30% giá trị tài sản, còn M sẽ được 100.000 đồng/01 lần lấy được tài sản và được T nuôi ăn, ở tại quán.

Khoảng 23 giờ ngày 10/8/2023, khi Trương Thị T và Lò Văn M đang nằm ngủ trong quán thì anh Nguyễn Văn Q1- sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang đến quán để sử dụng dịch vụ mát xa. Thực ra mở cửa quán, còn M đi ra đệm ở gần quầy tiếp khách nằm. Khi vào quán, anh Q1 hỏi T có nhân viên không, T bảo anh Q1 đợi. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax lắp sim số 0376.430.878 gọi cho T1 sử dụng số thuê bao 0979.257.450 được lắp trong chiếc điện di động thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen và bảo T1 đến quán mát xa cho khách. Khoảng 05 phút sau, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 29V7- 6779 (Tài mượn của anh Nguyễn Văn T2- sinh năm 1993, trú tại xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) đến quán. Lúc này, T ngồi ở ghế gần cửa ra vào, M vẫn nằm ở trên giường trong khu vực quầy tiếp khách. T1 bảo anh Q1 vào phòng thứ hai từ cửa đi vào để T1 tắm lưng. Khi vào phòng, T1 bảo anh Q1 cởi quần ra để tại chiếc ghế ở phía cuối giường gần cửa phòng và nằm úp người xuống giường, đầu anh Q1 hướng về phía trong, chân hướng ra cửa. T1 ngồi lên giường cạnh anh Q1 tắm lưng và nói chuyện với anh Q1. Khi T1 đang tắm lưng cho anh Q1 thì T mở cửa phòng đi vào, thấy anh Q1 đang nằm úp người xuống giường và không để ý, T đã lén lút ôm chiếc quần của anh Q1 ở ghế đi ra ngoài. Thực lục quần thì thấy tại túi quần phía trước bên phải của anh Q1 có 01 chiếc ví bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, T lấy toàn bộ số tiền trên rồi để lại chiếc ví vào trong túi quần và đặt lại chiếc quần ở vị trí cũ trong phòng. Sau khi lấy được tiền T mang ra quầy tiếp khách và để lên chiếc đệm nơi M đang nằm cùng 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng của T, đặt một bịch giấy vệ sinh lên trên

và ra dấu cho M im lặng. M nhìn thấy số tiền trên thì biết là tiền T vừa trộm cắp được nên không nói gì. Sau đó, T nói vào bên trong với T1 là khách đang say không dám lung nữa. Thấy T nói vậy thì T1 hiểu ý là T đã lấy trộm được tài sản của khách nên T1 bảo anh Q1 là không dám lung nữa do anh Q1 say rượu, đồng thời đề nghị anh Q1 trả 50.000 đồng tiền dám lung. Anh Q1 cầm chiếc quần, lấy ví trong quần ra để trả tiền thì phát hiện trong ví đã bị mất số tiền 4.500.000 đồng (gồm 09 tờ mệnh giá 500.000 đồng), anh Q1 hỏi thì T1, T đều nói không biết. Lúc này, anh Q1 lấy điện thoại gọi báo cho Cơ quan Công an.

Nhận được tin báo, Công an huyện V đã đến nơi xảy ra sự việc tại quán Cà phê thư giãn của T để kiểm tra và tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả khám nghiệm hiện trường, quán được thiết kế theo dạng nhà ống, có 02 phòng nhỏ có diện tích như nhau (2,6x2,6)m và thiết kế giống nhau đều làm bằng các tấm nhựa mê ka giả gỗ màu vàng nhạt, cửa ra vào là loại cửa một cánh có đường ray chạy dọc. Hai phòng chạy dọc theo hướng T4- Đ là phòng số 1 và phòng số 2. Phòng số 2 là nơi xảy ra sự việc, tại góc phòng phía Đông Bắc giáp với tường phía Bắc và phía Đông của phòng là vị trí chiếc giường ngủ để phục vụ khách khi vào quán. Tính từ cửa ra vào của phòng bên tay phải ngày gần cửa ra vào của phòng và cách tường phía Đông của phòng 1,5m, cách tường phía Bắc 2,1m là vị trí chiếc ghế ngồi, nơi bị hại để chiếc quần dài của mình có chiếc ví đựng tiền là tài sản bị chiếm đoạt. Tiến hành kiểm tra vị trí sát tường bên phải cửa vào trên nền nhà sát vị trí của Trương Thị T có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Tại vị trí trên mặt đệm cạnh bàn quầy tiếp khách có 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, tổng số tiền là 4.050.000 đồng. Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong số tiền 4.050.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng vào 02 phong bì. T khai nhận số tiền 4.500.000 đồng là tiền vừa lấy trộm của anh Q1, số tiền 50.000 đồng là tiền của T.

Căn cứ vào việc trình báo của anh Q1 và kết quả khám nghiệm, thu giữ vật chứng, ngày 11/8/2023 Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trương Thị T, Trương Thị T1 và Lò Văn M. Quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp T tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, lắp sim số 0376.430.878; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, lắp sim số 0378.703.325; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển kiểm soát 19F1-405.89; T1 tự giác giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ, biển kiểm soát 29V7- 6779; M tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, lắp sim thuê bao số 0325.962.271.

Ngày 11/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Thị T1 tại tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số Imei 1: 357966108159725, lắp sim số 0974.325.074, 0979.257.450 của T1. Cùng ngày 11/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Thị Thực tại khu D, phường Đ, thành

phố B, tỉnh Bắc Ninh thu giữ số tiền 18.000.000 đồng và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19F1- 405.89 mang tên Trương Thị T.

Ngày 16/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đã trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định dấu vết đường vân trên số tiền đã thu giữ. Tại Kết luận giám định số 1615/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2023 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận: Trên tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) có số seri XO 14937807 phát hiện 01 (một) dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định. Các mẫu vật còn lại không phát hiện thấy dấu vết đường vân. Dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định trên tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) có số seri XO 14937807 so với dấu vân in ở ô “Trở phải” trên D bản, Chỉ bản ghi tên Trương Thị T, sinh năm 1983 là của cùng một người.

Cơ quan điều tra hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax lắp sim số 0376.430.878; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 lắp sim số 0378.703.325 của Trương Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, lắp sim số 0974.325.074 và 0979.257.450 Trương Thị T1 và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A lắp sim số 0325.962.271 của Lò Văn M. Kết quả không phát hiện nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V tiến hành xác minh thông tin chủ thuê bao, nội dung cuộc gọi, tin nhắn của các số điện thoại 0325.962.271; 0376.430.878; 0979.257.450 trong các ngày từ 09/8/2023 đến 11/8/2023. Kết quả chủ thuê bao số điện thoại 0325.962.271 là Lò Văn M; chủ thuê bao số điện thoại 0979.257.450 là Trương Thị T1; chủ thuê bao số điện thoại 0376.430.878 (Trương Thị T sử dụng) là của anh Vàng Văn C- sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang. Tra cứu dữ liệu cuộc gọi qua thuê bao 0979.257.450 của Trương Thị T1 phát hiện cuộc gọi đến từ số điện thoại 0376.430.878 lúc 23 giờ 04 phút ngày 10/8/2023, phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Bản cáo trạng số: 196/CT-VKS ngày 02/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Trương Thị T, Trương Thị T1, Lò Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Trương Thị Thục từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2023. Phạt bổ sung bị cáo từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Trương Thị T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2023; Lò Văn M từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2023.

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T, T1, M xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Thị T, Trương Thị T1, Lò Văn M đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2023, Trương Thị T là chủ quán Cà phê thư giãn mát xa tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của khách đến mát xa, đắp lưng. T đã bàn bạc với Trương Thị T1 (là em gái ruột của T) và Lò Văn M (là bạn trai của T) về việc khi nào có khách thì T1 sẽ mát xa, đắp lưng cho khách, Thực lợi dụng lúc khách sơ hở, không để ý sẽ lấy trộm tài sản, nếu xảy ra cãi nhau với khách thì M sẽ ra mặt để hòa giải và đuổi khách ra khỏi quán. Sau khi lấy được tài sản, T sẽ chia cho T1 khoảng 30% giá trị tài sản trộm cắp được, còn M sẽ được 100.000 đồng/01 lần trộm cắp được tài sản và được T nuôi ăn, ở tại quán. Khoảng 23 giờ ngày 10/8/2023, tại quán C1 ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Trương Thị T cùng với Trương Thị T1 và Lò Văn M đã có hành vi trộm cắp số tiền 4.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn Q1.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị T1, Lò Văn M đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ phân công phối hợp thực hiện hành vi phạm tội, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo T, T1, M đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm phạm tội có tổ chức, bị cáo T có vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia trộm cắp; tiếp theo đến bị cáo T1 và bị cáo M, các bị cáo đã tham gia tích cực thực hiện trộm cắp khi được T phân công.

[6] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; bị cáo Trương Thị T và Trương Thị T1 có nhân thân xấu, bị cáo T đã bị Tòa án xét xử về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh B khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy làm bài học để sửa chữa, bị cáo Lò Văn M có vai trò tích cực phạm tội có tổ chức, do đó có thể thấy rằng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện khó giáo dục nên cần thiết phải cách ly bị cáo một thời gian cần thiết như mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên mới đủ để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo T1, T phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích vụ lợi do đó cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định số tiền 4.500.000 đồng (gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn Q1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ, biển kiểm soát 29V7- 6779 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn T2. Ngày 06/10/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Q1, anh T2 tài sản trên. Đến nay anh Q1 là người bị hại, anh T2 là người liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

9] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, số I: 353894107347600, lắp sim thuê bao số 0376.430.878 của Trương Thị T là điện thoại bị cáo đã sử dụng để liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, số Imei: 353408118189065, lắp sim số 0387.034.325; 01 xe

mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển kiểm soát 19F1- 405.89; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19F1- 405.89; số tiền 18.050.000 đồng là tài sản và giấy tờ của T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo T nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, số I: 868926054828923, lắp sim thuê bao số 0325.962.271 của Lò Văn M không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho Lò Văn M; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số Imei 1: 357966108159725, lắp sim thuê bao số 0974.325.074 và 0979.257.450 của Nguyễn Văn T2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho anh Nguyễn Văn T2; là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

[10] Về án phí: Bị cáo Lò Văn M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Trương Thị T, Trương Thị T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

[12] Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/8/2023 ở trên, Trương Thị T, Trương Thị T1 và Lò Văn M còn khai trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2023 đến ngày 08/8/2023 đã cùng nhau thực hiện khoảng 3- 4 vụ trộm cắp tài sản của khách tại quán của T nhưng không nhớ cụ thể thời gian, đặc điểm tài sản trộm cắp được cũng như không biết bị hại là ai. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm những người bị hại trong vụ việc trên nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh khi nào xác định được bị hại trong vụ việc trên thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với anh Nguyễn Văn T2 là chồng của bị can Trương Thị T1, anh T2 trình bày khoảng 23 giờ ngày 10/8/2023 khi đang ở phòng trọ tại tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 29V7- 6779 của anh và đi ra ngoài. Anh T2 không biết T1 đi đâu, do vậy anh T2 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[14] Đối với anh Nguyễn Văn H là người cho Trương Thị T thuê mặt bằng để mở quán Cà phê thư giãn, anh H không biết Thực lợi dụng địa điểm thuê để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng các bị can khác ngày 10/8/2023, nên anh H không vi phạm pháp luật.

[15] Đối với anh Vàng Văn C có đăng ký số điện thoại 0376.430.878, anh C xác định bản thân có đăng ký và sử dụng số điện thoại trên từ khoảng tháng 5/2023. Quá trình sử dụng anh C đã làm rơi mất điện thoại cá nhân nên bị mất sim số điện

thoại trên và cũng không đi làm lại sim. Do vậy, anh C không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a Khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Trương Thị T 03 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2023.

Phạt bổ sung bị cáo: 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Trương Thị T1 02 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2023.

Phạt bổ sung bị cáo: 8.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào: điểm a Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lò Văn M 02 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2023.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, số I: 353894107347600, lắp sim thuê bao số 0376.430.878

Trả lại: Trương Thị T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, số Imei: 353408118189065, lắp sim số 0387.034.325; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng, biển kiểm soát 19F1- 405.89; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19F1- 405.89; số tiền 18.050.000 đồng, nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án; Lò Văn M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, số I: 868926054828923, lắp sim thuê bao số 0325.962.271; Nguyễn Văn T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen, số Imei 1: 357966108159725, lắp sim thuê bao số 0974.325.074 và 0979.257.450.

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo, Trương Thị T, Trương Thị T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Lò Văn M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+CQTHAHS);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

